

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-PT
Ngày 27- 12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 5

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Nguyễn Thanh Tùng.

Các Thẩm phán:

- 3// Nguyễn Văn Thịnh.

- 3// Phan Hồng Chính.

Thư ký phiên tòa: 3/ Nguyễn Văn Huy, Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 5.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 5 tham gia phiên tòa: 2// Trần Xuân Quang, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 5, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 04/2019/HSPT-TL ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo Tạ Thành C, Nguyễn Tiến H1, Vũ Thế B, Hoàng Ngọc Th, Vũ Xuân H2, Nguyễn Hùng V, Vũ Tiến Ph, do có kháng cáo của các bị cáo và các bị hại Trịnh Văn T, Nguyễn Văn L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án quân sự Khu vực 2- Quân khu 5.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Tạ Thành C; giới tính: Nam; sinh ngày 03 tháng 5 năm 1999; sinh tại tỉnh Đ; nơi cư trú: Thôn 10, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Tạ Văn T, sinh năm 1971 và bà Đoàn Thị G, sinh năm 1973; tiền sự: Ngày 01/7/2018 bị Công an huyện Đ, tỉnh Đ ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 02/4/2019; bắt tạm giam ngày 05/4/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu 5; có mặt.

2/ Nguyễn Tiến H1; giới tính: Nam; sinh ngày 17 tháng 5 năm 1998; sinh tại tỉnh Đ; nơi cư trú: thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: B1, Chiến sĩ, d3, e994, Bộ CHQS tỉnh Đ; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị

bắt tạm giam từ ngày 18/02/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu 5; có mặt.

3/ Vũ Văn B (tên gọi khác: Vũ Thế B); giới tính: Nam; sinh ngày 12 tháng 11 năm 1995; sinh tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: tổ 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1962; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/10/2019; có mặt.

4/ Hoàng Ngọc Th; giới tính: Nam; sinh ngày 04 tháng 6 năm 2000; sinh tại tỉnh N; nơi cư trú: thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L, sinh năm 1972 và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị Tạm giam trong một vụ án khác; có mặt.

5/ Vũ Xuân H2; giới tính: Nam; sinh ngày 14 tháng 11 năm 1997; sinh tại tỉnh Đ; nơi cư trú: thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân H (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/10/2019; có mặt.

6/ Nguyễn Hùng V; giới tính: Nam; sinh ngày 17 tháng 7 năm 2000; sinh tại tỉnh L; nơi cư trú: thôn 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/10/2019; có mặt.

7/ Vũ Tiến P (tên gọi khác: Vũ Tiên Ph); giới tính: Nam; sinh ngày 04 tháng 01 năm 1995; sinh tại tỉnh Đ; nơi cư trú: không có nơi cư trú rõ ràng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Q, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thanh H, sinh năm 1973; có vợ là Trịnh Thị Th (Ly hôn năm 2018), có một con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu 5; có mặt.

Các bị hại có kháng cáo:

1/ Trịnh Văn T, sinh ngày 04 tháng 6 năm 1997; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ; có mặt.

2/ Nguyễn Văn L, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1971; nghề nghiệp: Công an xã; nơi cư trú: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00' ngày 17/10/2018, Nguyễn Tiến H1, Hoàng Ngọc Th, Vũ Xuân H2, Nguyễn Văn H, Vũ Minh Th và một số thanh niên khác đến nhà Trịnh Minh Th, tại thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ để nhậu. Tại đây Vũ Minh Th gọi điện thoại cho anh Trịnh Văn T yêu cầu trả 1.000.000 đồng cho Trần Văn Th nên phát sinh mâu thuẫn với nhau. Sau đó, Trịnh Văn T rủ Vũ Thanh T và Trần Văn Đ đến nhà Trịnh Minh Th. Khi đi đến nơi thì gặp Vũ Xuân H và Vũ Minh Th đang ngồi trước nhà Trịnh Minh T, Trịnh Minh T cầm dao phát mang theo chém H2 xây xát da vành tai trái, khuỷu tay trái, đuổi chém Vũ Minh Th nhưng Vũ Minh Th chạy thoát.

Khoảng 16h30' cùng ngày, Nguyễn Văn H gọi điện cho Tạ Thành C nói: “thằng Th (Vũ Minh Th) bị đánh, vô xã Thuận Hạnh tìm nó đưa về”, đồng thời Huyền gọi điện thoại cho Trần Văn Th báo lại với Vũ Văn B việc Vũ Minh Th bị đánh (lúc này Trần Văn Th và Trần Văn V đang ở cùng Vũ Văn B); Trần Văn Th tiếp tục gọi điện thoại cho Tạ Thành C, Vũ Tiến Ph và Nguyễn Hùng V rủ đến nhà đón C; B nhờ V điều khiển xe ô tô tải chở B và Trần Văn Th đến nhà C có việc nhưng không nói cho V biết là gì. Tạ Thành C lấy 01 mã tấu, 01 thanh kim loại và 03 dao phát bỏ vào một bao tải mang lên thùng xe ô tô tải, xe ô tô tải chở C, B, Trần Văn Th, còn Ph và Nguyễn Hùng V đi xe mô tô vào xã Th. Vũ Thanh T đưa H2 đi bằng bó vết thương đồng thời gọi điện cho Trần Văn Th và C nói: “đến quán trà sữa Olala giảng hòa, không phải đánh nhau”. Nguyễn Tiến H, Hoàng Ngọc Th, Vũ Minh Th cùng một số thanh niên khác đến sau, trong đó Hoàng Ngọc Th đem theo một dao bài.

Khoảng 18h10' cùng ngày Nguyễn Hùng V, Vũ Tiến Ph, Vũ Văn B, C, Trần Văn Th và V đến quán trà sữa Olala. Hoàng Ngọc Th đi ra đưa dao bài để sau đuôi xe ô tô tải; một lát sau, D, Vũ Thanh T, Trần Văn Đ và H2 cũng đến quán. Vũ Thanh T, Trịnh Văn T, Trần Văn Th, Nguyễn Văn H, B, Hoàng Ngọc Th và H1 vào ngồi bàn phía trong gian cà phê nói chuyện, C, H2, Ph, V và Trần Văn V ngồi bàn ngoài. Trong lúc nói chuyện, B đòi Trịnh Văn T phải trả tiền cho Trần Văn Th, Vũ Thanh T nói: “mai trả”, B nói “Giờ tao không thích lấy một triệu, tao lấy hơn đấy”, Vũ Thanh T đập tay xuống bàn nói “Không trả, bọn mày thích gì”. Nghe vậy, C nói “Đội đấy, tao chơi chết mẹ mày luôn, anh em ra lấy hàng chơi nó” đồng thời cả bọn ra xe ô tô lấy hung khí, C lấy mã tấu, H2, Ph, Hoàng Ngọc Th lấy dao phát, V lấy dao bài, B lấy thanh kim loại cùng lao vào quán tìm đánh Vũ Thanh T. Lúc này biết sẽ có đánh nhau nên Trần Văn V điều khiển xe ô tô rời khỏi quán. C, Hoàng Ngọc Th vào tìm Vũ Thanh T nhưng không thấy nên ra trước sân tiếp tục đi tìm thì H1 đã giật dao phát từ tay Hoàng Ngọc Th. H2 cầm dao phát đi tìm nhóm Vũ Thanh T nhưng không thấy nên cũng ra trước sân. Khoảng 18h25' cùng ngày, thấy Trịnh Văn T đang đứng ở gian cà phê C xông tới từ cửa chính, H1 từ gian trà sữa đến chặn Trịnh Văn T lại. C cầm mã tấu dùng tay phải chém Trịnh Văn T, Trịnh Văn T đưa ghế lên đỡ và chạy đến cửa thông sang gian trà sữa thì ngã xuống sau đó vùng dậy bỏ chạy ra đường luồng, lúc này H1 cầm dao phát bằng hai tay cùng C chém vào người của anh Trịnh Văn T; cùng lúc C và H1 chém Trịnh Văn T

thì B, Ph, V, H2 cầm hung khí và Hoàng Ngọc Th cũng lao vào phía anh Trịnh Văn T với mục đích chém nhưng anh T chạy thoát. Hải cầm dao phát sang gian trà sữa thì bị Nguyễn Văn H can ngăn và giằng lấy dao từ tay H1. Sau đó cả bọn rời khỏi quán.

Cùng lúc anh Nguyễn Văn L, Phó Trưởng Công an xã Th nhận được tin báo nên điều khiển xe mô tô đến quán trà sữa Olala để giải quyết. Khi đến cách quán khoảng 20 mét, anh L chặn xe của D lại thì C từ trên xe bước xuống dùng mã tấu chém rơi gậy ba khúc anh L cầm trên tay trái và chém vào tay phải làm anh L ngã xuống đất, C tiếp tục chém 02 cái vào người anh L. Hoàng Ngọc Th thấy vậy cầm 01 dao phát chạy đến nhưng không chém anh L, sau đó bỏ đi. Trên đường đi cả bọn vứt bỏ hung khí.

Hậu quả anh Trịnh Văn T bị thương tích 13% và anh Nguyễn Văn L bị thương tích 13%.

Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2019, Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5 quyết định:

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Tạ Thành C 06 năm 06 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 02/4/2019.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H1 03 năm 06 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 18/02/2019.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm p, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Văn B 26 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc Th 26 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Xuân H2 26 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng V 26 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Tiến Ph 24 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 03/5/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587 và 590 BLDS: Buộc các bị cáo Tạ Thành C, Nguyễn Tiến H1, Vũ Văn B, Hoàng Ngọc Th, Nguyễn Hùng V, Vũ Xuân H2, Vũ Tiến Ph phải liên đới bồi thường cho bị hại Trịnh Văn T số tiền là 38.702.463 đồng, chia theo phần các bị cáo phải bồi thường cho bị hại Trịnh Văn T như sau: bị cáo Tạ Thành C và Nguyễn Tiến H1 mỗi bị cáo phải bồi thường với số tiền là 12.900.821 đồng; trong đó bị cáo Tạ Thành C và

Nguyễn Tiến H1 mỗi bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng nên mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 7.900.821 đồng. Các bị cáo Vũ Văn B, Hoàng Ngọc Th, Nguyễn Hùng V, Vũ Xuân H2, Vũ Tiến Ph phải bồi thường cho bị hại với số tiền là 12.900.821 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại với số tiền 2.580.164 đồng. Bị cáo Vũ Tiến Ph đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại Trịnh Văn T với số tiền 5.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586 và 590 BLDS:

Buộc bị cáo Tạ Thành C phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn L số tiền là 30.492.000 đồng, bị cáo bồi thường được 4.000.000 đồng nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền là 26.492.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí hình sự và quyền kháng cáo của các bị cáo và bị hại.

Từ ngày 14 đến 24 tháng 9 năm 2019, các bị cáo Tạ Thành C, Nguyễn Tiến H1, Vũ Xuân H2, Nguyễn Hùng V, Vũ Tiến Ph, Vũ Văn B, Hoàng Ngọc Th có đơn kháng cáo xin Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Th và B đề nghị xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả”. Bị cáo H2 đề nghị xem xét thêm tình tiết gia đình có ông nội có công được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương.

Ngày 16 và 21 tháng 9 năm 2019, bị hại Nguyễn Văn L và Trịnh Văn T có đơn kháng cáo tăng hình phạt và tăng mức bồi thường. Ngoài ra bị hại L yêu cầu xác định ngoài bị cáo C còn có đối tượng khác gây thương tích cho bản thân; bị hại T cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm và phương tiện xe ô tô chở hung khí gây án.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình cơ bản như nội dung án sơ thẩm nhận định và kết luận, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại Lũy và Tuân đề nghị HĐXX tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận bồi thường.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên xác định các bị cáo và các bị hại kháng cáo trong thời hạn luật định. Sau khi phân tích diễn biến hành vi, đánh giá vai trò vị trí tham gia của từng bị cáo cũng như hậu quả của vụ án, Kiểm sát viên xác định cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” và khung hình phạt tương ứng đối với từng bị cáo là đúng người, đúng tội. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trong bản án đã nêu đối với từng bị cáo là chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại với hai bị hại, đồng thời cả hai bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do vậy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51BLHS cho các bị cáo; việc ông nội bị cáo Hợp được tặng thưởng huân, huy chương, nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xem xét kháng cáo về hình phạt, Kiểm sát viên cho rằng: Do có phát sinh

thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của tất cả các bị cáo, đề nghị xử phạt Tạ Thành C 06 năm tù, Nguyễn Tiến H1 03 năm tù; các bị cáo còn lại Vũ Văn B, Hoàng Ngọc Th, Vũ Xuân H2, Nguyễn Hùng V và Vũ Tiến Ph áp dụng thêm khoản 1 điều 54 BLHS xử phạt mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 20 tháng tù. Liên quan đến bồi thường, do các bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại với hai bị hại tại hai biên bản lập ngày 27/12/2019 đề nghị Tòa ghi nhận. Qua phần xét hỏi và các tài liệu chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa ngoài các bị cáo bị đưa ra xét xử không có cơ sở xác định có đồng phạm khác thực hiện hành vi gây thương tích cho hai bị hại L và T. Đối với xe ô tô tải do Trần Văn V điều khiển, anh V hoàn toàn không hay biết xe mình có chở hung khí để đánh nhau, khi hai bên xảy ra cãi nhau anh V hoảng sợ và điều khiển xe rời khỏi hiện trường nên không đồng phạm đối với các bị cáo.

Tranh luận tại phiên tòa, tất cả các bị cáo nhất trí quan điểm đánh giá và đề nghị của Kiểm sát viên, bản thân tỏ ra ân hận xin lỗi các bị hại và đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt.

Hai bị hại nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên, không có ý kiến tham gia tranh luận, đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của các bị cáo Tạ Thành C, Nguyễn Tiến H1, Vũ Văn B, Hoàng Ngọc Th, Vũ Xuân H2, Nguyễn Hùng V, Vũ Tiến Ph và bị hại Nguyễn Văn L, Trịnh Văn T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm. HĐXX có đủ cơ sở để xác định: khoảng 18h 25' ngày 17/10/2018 tại quán Olala thuộc thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ, các bị cáo C, H1, B, Th, H2, V và Ph đã tiếp thu ý chí của nhau, ngang nhiên vô cớ sử dụng các loại hung khí tấn công bị hại T, cụ thể C và H1 đã trực tiếp gây thương tích 13% cho anh Trịnh Văn T; trong quá trình rời khỏi quán C tiếp tục gây thương tích 13% bị hại L. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, như cấp sơ thẩm đã kết luận là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét khách quan, toàn diện và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội tất cả các bị cáo đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo C, H1, Ph đã “tự nguyện bồi thường” quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo B là “người khuyết tật nặng” quy định tại Điểm p khoản 1 Điều 51 BLHS; sau khi phạm tội bị cáo C bỏ trốn nhưng đã ra đầu thú nên áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS là chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo và gia

đình đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại với hai bị hại, đồng thời cả hai bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do vậy HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; việc bị cáo H2 cho rằng có ông nội được tặng thưởng huân, huy chương, nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3]. Xét kháng cáo liên quan đến hình phạt của từng bị cáo. HĐXX thấy rằng bản án sơ thẩm đã phân hóa vai trò vị trí tham gia của từng bị cáo trong vụ án, từ đó quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm tất cả các bị cáo đã thể hiện trách nhiệm của mình, đã chủ động cùng gia đình thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho cả hai bị hại, do có phát sinh thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên Tòa phúc thẩm nên việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt của Kiểm sát viên cho tất cả bị cáo là có căn cứ, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với các bị cáo, đồng thời có ý nghĩa giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Đối với phần bồi thường thiệt hại, tất cả các bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại với hai bị hại L và T tại hai biên bản lập ngày 27/12/2019, tại phiên tòa các bên đề nghị Tòa ghi nhận. HĐXX thấy rằng, đây là tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự không trái với quy định của pháp luật nên sẽ ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận đó.

[5]. Việc bị hại Nguyễn Văn L và Trịnh Văn T cho rằng bỏ sót tội phạm, có đồng phạm khác. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên bản giám định pháp y về thương tích của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận: các vết thương ở vai phải và hông trái không đánh giá được do vật tày có cạnh hay vật sắc gây nên do có lớp áo che phủ, mặt khác lời khai của tất cả các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm đều khẳng định chỉ có một mình bị cáo C thực hiện hành vi gây thương tích cho anh L. Do đó HĐXX có đủ cơ sở xác định chỉ một mình bị cáo C gây thương tích cho bị hại L ở bàn tay phải như nhận định của án sơ thẩm là chính xác. Đối với một số đối tượng khác tuy có mặt tại hiện trường, nhưng họ không có ý định và thực tế họ không tham gia trong việc gây thương tích cho bị hại L, do vậy không có cơ sở xác định họ đồng phạm trong vụ án nên không xem xét xử lý. Về phương tiện chở hung khí gây án, tại phần xét hỏi bị hại không đề nghị xem xét nên nhất trí với Kiểm sát viên.

[6]. Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS); Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do các bên thỏa thuận về bồi thường thiệt hại nên án phí được tính lại; bị cáo Vũ Văn B 300.000đ, các bị cáo còn lại phải chịu án phí dân sự 5% của số tiền mà từng bị cáo còn phải bồi thường, cụ thể: Tạ Thành C (14.000.000đ + 26.000.000đ) x 5% = 2.000.000đ; Nguyễn Tiến H1 15.000.000đ x 5% = 750.000đ; Vũ Xuân H2 7.000.000đ x 5% = 350.000đ; Hoàng Ngọc Th

$7.000.000đ \times 5\% = 350.000đ$; Nguyễn Hùng V $7.000.000đ \times 5\% = 350.000đ$; Vũ Tiến Ph $7.000.000đ \times 5\% = 350.000đ$.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào Điểm c khoản 3 Điều 260, Điểm b khoản 1 Điều 355, Điểm b Khoản 1 Điều 357 BLTTHS.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tạ Thành C, Nguyễn Tiến H1, Vũ Văn B, Hoàng Ngọc Th, Vũ Xuân H2, Nguyễn Hùng V và Vũ Tiến Ph. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5 về hình phạt.

1. Về hình sự:

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Tạ Thành C 06 (sáu) năm; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 02/4/2019.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H1 03 (ba) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 18/02/2019.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo Vũ Văn B, Hoàng Ngọc Th, Vũ Xuân H2, Nguyễn Hùng V, Vũ Tiến Ph; áp dụng thêm điểm p, khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Vũ Văn B. Xử phạt bị cáo:

- Vũ Văn B 18 (mười tám) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Hoàng Ngọc Th 18 (mười tám) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Vũ Xuân H2 18 (mười tám) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Nguyễn Hùng V 18 (mười tám) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Vũ Tiến Ph 18 (mười tám) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 03/5/2019.

2. Về bồi thường thiệt hại:

- Ghi nhận gia đình bị cáo Tạ Thành C và gia đình đã thỏa thuận với bị hại Nguyễn Văn L bồi thường toàn bộ thiệt hại với số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), đã bồi thường 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng), còn phải tiếp tục bồi thường 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng) được thực hiện đến ngày 08/01/2020. Tại biên bản lập ngày 27/12/2019.

- Ghi nhận tất cả các bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại với bị hại Trịnh Văn T với tổng số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), được thực hiện vào ngày 13/01/2020. Tại biên bản lập ngày 27/12/2019, cụ thể: Tạ Thành C phải bồi thường 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng); Nguyễn Tiến H1 phải bồi thường 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); Vũ Xuân H2, phải bồi thường 7.000.000đ (bảy triệu đồng); Hoàng Ngọc Th, phải bồi thường 7.000.000đ (bảy triệu đồng); Nguyễn Hùng V, phải bồi thường 7.000.000đ (bảy triệu đồng); Vũ Tiến Ph phải bồi thường 7.000.000đ (bảy triệu đồng); Vũ Văn B, phải bồi thường 3.000.000đ (ba triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo phải chịu án phí dân sự, cụ thể: Tạ Thành C phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng); Nguyễn Tiến H1 phải chịu 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng); Hoàng Ngọc Th, Vũ Văn H2, Nguyễn Hùng V và Vũ Tiến Ph mỗi bị cáo còn phải chịu 350.000đ (ba trăm năm mươi ngàn đồng) và Vũ Văn B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSQS QK5, THAHSQK5;
- Phòng THAQK5;
- Trại Tạm giam QK5 (B14);
- VKSQS KV53;
- Tòa KV2 (02b);
- CQĐTHS KV3 QK5;
- Các Bị cáo;
- Các Bị hại;
- Lưu: HS, Tiểu HS. 21b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thượng tá Nguyễn Thanh Tùng